

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23-7-2024

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Võ Việt Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 2000 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm F, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Võ Mi N1, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm F, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 4 năm 2024 nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông và bà Võ Mi N1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2021 có tổ chức lễ thành hôn nhưng không có đăng ký kết hôn, đến năm 2022 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, vợ chồng không còn lòng tin với nhau, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2023 đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm

trọng không thể sống chung với nhau được nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Võ Mi N1. Trong quá trình chung sống ông và bà N1 có một người con chung tên Nguyễn Võ Thiên B, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2022, con chung do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà Võ Mi N1 tiếp tục nuôi dưỡng; ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn bà Võ Mi N1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng bà N1 vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N. Cho ông N ly hôn với bà Võ Mi N1; giao con chung cho bà Võ Mi N1 trực tiếp nuôi dưỡng; ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Võ Mi N1, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn N là nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn N. Bà Võ Mi N1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Võ Mi N1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N và bà Võ Mi N1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2021, đến năm 2022 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của ông Nguyễn Văn N với bà Võ Mi N1 là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Ông N yêu cầu giải quyết cho ly hôn với bà Võ Mi N1. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ bà Võ Mi N1 nhiều lần để tham gia hoà giải và xét xử nhưng bà N1 vắng mặt không tham gia hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn N. Ông N cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn lòng tin đối với nhau, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 10 năm 2023 đến nay. Điều này cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn N với bà Võ Mi N1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn N về việc yêu cầu ly hôn với bà Võ Mi N1.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống ông Nguyễn Văn N với bà Võ Mi N1 có một người con chung tên Nguyễn Võ Thiên B, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2022, con chung do N1 đang trực tiếp nuôi dưỡng, ông N yêu cầu giao con chung cho bà N1 tiếp tục nuôi dưỡng. Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý cho bà Võ Mi N1 nhưng bà N1 không có ý kiến gì về yêu cầu của ông N giao con cho bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi ông N và bà N1 không còn chung sống đến nay con chung do bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng; người con chung tên Nguyễn Võ Thiên B, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2022 đến ngày xét xử sơ thẩm chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao con chung cho bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý cho bà Võ Mi N1 nhưng bà N1 không có ý kiến gì về việc ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung. Việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của ông N phù hợp với quy khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Võ Thiên B, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2022 mỗi tháng 1.000.000đ, hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi người con chung đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung, nợ chung ông Nguyễn Văn N, bà Võ Mi N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đ, ông N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí. Ông N có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn N và bà Võ Mi N1.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Võ Thiên B, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2022 cho bà Võ Mi N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Võ Thiên B, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2022 mỗi tháng 1.000.000đ, hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi người con chung đủ 18 tuổi.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 0003401 ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Buộc ông Nguyễn Văn N nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND thị trấn C, huyện P, tỉnh C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều